

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

- Bản án số: **258/2017/HNGĐ-ST**
- Ngày 22 tháng 8 năm 2017.
- V/v: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hợp
2. Ông Phan Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công – tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp : “ *Xin ly hôn* ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:99/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trương Lê Thùy D**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Lê Tuấn L**, sinh năm 1992 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

* Theo đơn xin ly hôn ngày 03/7/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Trương Lê Thùy D trình bày: Chị và anh Lê Tuấn L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới vào tháng 3 năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 03 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh, chị bất đồng quan điểm sống, thường

xuyên cãi nhau. Chị và anh L sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không có trao đổi để hàn gắn tình cảm. Nay chị không còn tình cảm với anh L nên xin ly hôn với anh.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: nữ trang ngày cưới gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ 001 phân vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 02 chỉ 198 phân vàng 24k, 01 chiếc vòng đeo tay 01 chỉ 552 phân vàng 18k. Chị và anh L đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, chị giao toàn bộ số vàng nêu trên cho anh L và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án.

- Về nợ chung: Không có.

* Theo bản tự khai ngày 20/6/2017 bị đơn anh Lê Tuấn L trình bày : Anh và chị D tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới tháng 3 năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh đọc được tin nhắn điện thoại của chị D có tình cảm với người khác, từ đó chị D dọn nhà ra ở riêng nên tình cảm giữa anh, chị bị rạn nứt. Nay chị D xin ly hôn với anh, anh đồng ý.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Anh thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị D.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Lê Thùy D với anh Lê Tuấn L vì chị D và anh L sống chung không đăng ký kết hôn, không công nhận chị D và anh L là vợ chồng. Về con chung: không có. Về tài sản chung: chấp nhận theo yêu cầu của chị D. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Lê Thùy D có đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh L. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Anh Lê Tuấn L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt vì vậy căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Lê Thùy D và anh Lê Tuấn L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới tháng 3 năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo chị D cho rằng do anh, chị bất đồng quan điểm sống. Anh L cho rằng chị D có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh đọc được tin nhắn điện thoại của chị D, từ đó chị D dọn nhà ra ở riêng nên tình cảm giữa anh, chị bị rạn nứt. Chị D và anh L sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh L đồng ý nhưng do anh, chị sống chung không đăng ký kết hôn nên không thể xem xét cho anh, chị ly hôn mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng mới phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: chị D và anh L đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung trước khi Tòa án tiến hành hòa giải (theo biên bản tự thỏa thuận ngày 20/7/2017) và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án như sau : chị D giao lại anh L nữ trang ngày cưới gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ 001 phân vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 02 chỉ 198 phân vàng 24k, 01 chiếc vòng đeo tay 01 chỉ 552 phân vàng 18k nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị D là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do chị D và anh L đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án tiến hành hòa giải và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án nên theo quy định tại điểm d Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chị D và anh L không phải chịu án phí chia tài sản chung.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 14, Điều 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 273, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân : Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Lê Thùy D với anh Lê Tuấn L vì chị D và anh L sống chung không đăng ký kết hôn.

Không công nhận chị Trương Lê Thùy D và anh Lê Tuấn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: chị D giao lại anh L nữ trang ngày cưới gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ 001 phân vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 02 chỉ 198 phân vàng 24k, 01 chiếc vòng đeo tay 01 chỉ 552 phân vàng 18k (*Hai bên đã giao nhận xong theo biên bản tự thỏa thuận ngày 20/7/2017*).

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Trương Lê Thùy D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 41928 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Lê Thùy D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Tuấn L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Gò Công;
- CCTHADS thị xã Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ BÍCH LIỄU